



ラーメン : Mỳ ramen



小 60.000
中 100.000
大 150.000



小 80.000
中 120.000
大 160.000

豚骨らーめん (醤油、味噌、塩)
Mỳ ramen (Shoyu, Miso, Shio)

坦々麵 (Spicy Ramen)
Mỳ cay

ラーメンのトッピング

とんちんのラーメン	Special ramen	Ramen đặc biệt	160,000
チャーシュー	BBQ pork	Thịt BBQ	40,000
替玉	Extra noodle	Mỳ thêm	20,000
野菜	Vegetable	Rau	20,000
キムチ	Kimchee	Kim chi	20,000
激辛もやし	Spicy bean sprouts	Giá cay	20,000
たまご	Egg	Trứng	20,000
のり	Seaweed	Rong biển	20,000
キクラゲ	Fungus	Nấm tai mèo	20,000
ねぎだく	Welsh onion	Hành paro	20,000
コーン	Corn	Ngô non	20,000



ラーメン. うどん



小 80.000
中 110.000
大 160.000

牛肉うどん
Beef udon
Mỳ udon bò



小 80.000
中 110.000
大 160.000

豚骨うどん
Pork-bone based udon
Mỳ udon súp thị heo



130,000

バターコーンラーメン
Butter corn ramen
Mỳ ngô bơ



110,000

ぶっかけうどん
Cold udon with poached egg
Mỳ udon lạnh với trứng tái



120,000

つけ麺
Dipping ramen
Mỳ khô



110,000

ソース焼そば
Stirred ramen
Mỳ xào



ラーメン. うどん



120,000

オムそば
Omelette soba
Mỳ bọc trứng



110,000

焼きうどん
Stirred udon
Mỳ udon xào



110,000

ざるそば
Cold soba
Mỳ soba lạnh



120,000

ゴマだれ冷やし中華
Cold noodles mixed
Mỳ lạnh



130,000

カレーそうめん
Curry noodles
Mỳ cari somen



120,000

野菜カレーうどん
Vegetable curry udon
Mỳ cari udon



鍋 : Lẩu



400,000

すき焼き鍋
Sukiyaki hotpot
Lẩu bò



400,000

鶏鍋
Chicken hotpot
Lẩu gà



400,000

豚キムチ鍋
Pork and kimchi hotpot
Lẩu kim chi



400,000

海鮮鍋
Seafood hotpot
Lẩu hải sản



400,000

ピリ辛もつ鍋
Spicy pork tripe hotpot
Lẩu lòng